TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 687/2019/QĐST- HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 25 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 4 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 693/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị Th, sinh năm 1966; hộ khẩu thường trú: Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lâm Phú X, sinh năm 1961; hộ khẩu thường trú: Ấp TC2, xã A, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ nơi làm việc: Khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Lâm Phú X tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 1985 tại UBND quận TB, thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46/85, quyển số 01/P24, ngày 30/11/1985. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Th và ông Lâm Phú X là hợp pháp theo qui định tại Điều 4 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị Th và ông Lâm Phú X yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Vì hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị Th và ông Lâm Phú X thống nhất có 02 (hai) con chung trong thời kỳ hôn nhân là Lâm Chí H, sinh ngày 19/02/1987 và Lâm Gia H1, sinh ngày 24/8/2005. Sau khi ly hôn, con chung là Lâm Chí H, sinh ngày 19/02/1987 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng, đối với con chung là Lâm Gia H1, sinh ngày 24/8/2005 giao cho mẹ là bà Lê Thị Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Th và ông Lâm Phú X thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Th và ông Lâm Phú X thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 17/12/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Lâm Phú X thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê Thị Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lâm Gia H1, sinh ngày 24/8/2005. Đối với con chung là Lâm Chí H, sinh ngày 19/02/1987 đã thành niên, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Th và ông Lâm Phú X thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Th và ông Lâm Phú X mỗi người phải chịu số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng số tiền là

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041183 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. M;
- Chi cục THADS Tp.M;
- UBND quận TB, Tp.HCM;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Khương Minh Trí